TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ - ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2024
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành
2. Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Triều- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Ông Đỗ Xuân Phú- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2024, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Bị đơn: Anh Đầu Đình T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Đầu Đình T ngày 23/01/2013, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi vã, anh T chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Hai vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại để cùng nhau

hàn gắn nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên chị đề nghị được ly hôn anh T, hiện nay chị không có thai.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là các cháu: Đầu Ngọc Bảo D, sinh ngày 26/8/2013; Đầu Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 15/6/2015; Đầu Ngọc Anh T, sinh ngày 15/10/2017. Hiện các cháu đang ở với chị, ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu D, N và T. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đầu Đình T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Chị Trần Thị T được ly hôn anh Đầu Đình T; về nuôi con chung: Giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Đầu Ngọc Bảo D, sinh ngày 26/8/2013; Đầu Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 15/6/2015; Đầu Ngọc Anh T, sinh ngày 15/10/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn bị đơn anh Đầu Đình T, do vậy đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: Thôn R, xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt. Xác minh tại địa phương nơi cư trú và người thân của anh T cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh T. Như vậy việc bị đơn vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về tình cảm: Chị T và anh T đăng ký kết hôn ngày 23/01/2013, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lập Thạch. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị T và anh T thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh T có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị T trình bày do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống gia đình không vui vẻ, hạnh phúc. Anh T chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Chị và anh T đã nhiều lần ngồi lại để cùng nhau hàn gắn nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng và anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, đã biết chị T xin ly hôn, xin nuôi con nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa để trình bày ý kiến về mâu thuẫn vợ chồng hay xin hàn gắn, đoàn tụ; không có ý kiến gì về con chung, tài sản, công nợ và đất nông nghiệp. Điều đó thể hiện thái độ không chấp hành pháp luật của anh T, nên anh T tự chịu trách nhiệm.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị T anh T kết hôn và địa phương nơi anh T có hộ khẩu cho biết: Chính quyền địa phương không nắm được việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T. Việc chị T xin ly hôn anh T và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phía gia đình anh T hoàn toàn nhất

trí và tôn trọng quyết định của chị T. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 03 con chung là các cháu: Đầu Ngọc Bảo D, sinh ngày 26/8/2013; Đầu Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 15/6/2015; Đầu Ngọc Anh T, sinh ngày 15/10/2017. Hiện các cháu đang ở với chị T, ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu D, N và T. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét về điều kiện nuôi con của chị T, chị T có chỗ ở ổn định, bản thân làm lao động tự do thu nhập từ 10 triệu đến 12 triệu/1 tháng, có đủ điều kiện để nuôi con. Về phía anh T không lên Tòa án làm việc, không trình bày quan điểm về con chung khi ly hôn. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ cũng như sự phát triển về mọi mặt của các cháu, cần giao cháu D, N, T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Chị T, anh T không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Đầu Đình T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đầu Ngọc Bảo D, sinh ngày 26/8/2013; Đầu Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 15/6/2015; Đầu Ngọc Anh T, sinh ngày 15/10/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hiện cả ba cháu đang ở với chị T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000342 ngày 03/6/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch.
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh